

Chứng minh đoạn mở đầu Bàn luận về phép học là đoạn văn nghị luận tiêu biểu

Chứng minh đoạn mở đầu của văn bản Bàn luận về phép học là đoạn văn nghị luận tiêu biểu được VnDoc.com sưu tầm và đăng tải trong bài viết này, nhằm giúp các bạn học sinh lớp 8 ôn tập và làm bài hiệu quả môn Ngữ văn.

Bài văn mẫu lớp 8 số 6 đề 2: Mối quan hệ giữa học và hành

Như ta biết Bàn luận về phép học (Luận học pháp) chỉ là một đoạn trích trong một bài tấu đề cập đến nhiều vấn đề trong phép chấn hưng trị nước mà Nguyễn Thiếp gửi lên vua Quang Trung vào tháng 8 năm 1791. Vì chỉ là một yếu tố trong hệ thống, Bàn luận về phép học chỉ có ý nghĩa độc lập tương đối khi đặt vào chỉnh thể mà thôi. Tuy vậy, do cách suy nghĩ đúng đắn, do cách lập luận chặt chẽ, lời văn không trọng sự hoa mỹ khoa trương mà cụ thể xác thực, trích đoạn vẫn thể hiện được tư tưởng lớn về mục đích của con đường học vấn. Từ đó mà có một phép học thích hợp: khoa học và thiết thực dẫn đến những tài năng, có ích cho việc tu thân, góp phần tích cực vào sự hưng thịnh nước nhà. Tư tưởng lớn ấy thể hiện trong một đoạn văn nghị luận, tuy dung lượng lời nói không dài, nhưng vẫn triệt để tuân theo những nguyên tắc cơ bản của văn nghị luận.

Trong phần nêu vấn đề về sự học, tác giả không bàn đến việc vì sao phải học (nguyên tắc) mà nhấn vào một khía cạnh: học để làm gì ? (mục đích). Là bởi vì: "Ngọc không mài không thành đồ vật; người không học không biết rõ đạo". Nhưng đạo ấy là gì? Ấy là cái đích của sự học vậy. Theo tác giả thì "Đạo là lẽ đối xử hằng ngày giữa mọi người". Đạo dạy người ta về những mối quan hệ: hẹp thì với bản thân, trong gia đình, rộng ra là ngoài xã hội. Mối quan hệ ấy trong khuôn khổ của xã hội phong kiến không nằm ngoài khái niệm "tam cương", "ngũ thường" quen thuộc. Tóm lại, học trước hết là học đạo làm người, học để "lập đức" cho mình, để "lập công" nghĩa là phải cống hiến tài năng cho xã hội. Đó là nền tảng của "chính học", là cơ sở của một quốc gia nước mạnh dân giàu, xã hội thái bình, thịnh trị. Cách nhìn của tác giả đoạn văn có tầm chiến lược dài lâu vì nó đụng đến sự an nguy của xã tắc (tức đất nước).

Trong phần giải quyết vấn đề, tác giả nêu lên hai luận điểm lớn để một mặt phê phán lối học sai mục đích hiện thời và một mặt khôi phục lại lối học chân chính mà nguyên tắc và mục tiêu xã hội đã xác định từ xưa.

Ở luận điểm thứ nhất, tác giả đã nêu lên ba ý: nền chính học đã bị thất truyền, biểu hiện của nó ở sự lệch lạc, tác hại của việc học ấy thật nghiêm trọng đến "nước mất nhà tan". Trong hệ thống lập luận chặt chẽ theo kết cấu: nhân (nguyên nhân) quả (kết quả), đoạn văn nhấn mạnh vào những biểu hiện thật đáng buồn về việc học ngày nay trên hai khía cạnh: người đi học và việc xã hội đánh giá người đỗ đạt (do học tập) ở cả đạo đức và tài năng. Vì mục đích của việc học của người đi học đã sai, cách đánh giá lại không đúng thì hậu quả sẽ dẫn đến thảm họa khôn lường. Cái sai ở người đi học là không chuộng thực đức, thực tài, học không để "lập đức", "lập công" mà chỉ để "cầu danh lợi". Cái sai ở đây thật cơ bản: sai về mục đích, nó biến sự học vốn là chân chính, vốn có ý nghĩa xã hội thiêng liêng thành một nấc thang danh vọng tầm thường, học chỉ là cho cá nhân mình, cho gia đình nhỏ bé của mình (vinh thân, phì gia). Mục đích học sai nên cách học cũng sai : không gia công mài kinh sử để nắm lấy tri thức của khoa học, đạo lý của thánh hiền, thay vào đó chỉ là một cách học "hình thức". Cách học hình thức là cách học máy móc, giáo điều. Học văn (văn bản) có thể thuộc văn mà không hiểu nghĩa của văn, chỉ cốt chép sao cho đúng, thi sao cho đỗ mà thôi. Những người đỗ đạt bằng cách học kiểu ấy lại trở thành trụ cột trong bộ máy điều hành nhà nước thì nguy cơ của nó sẽ dẫn tới đâu ? Uy tín của họ, sự tồn tại của họ, do không có thực đức, thực tài đối với bề trên (như vua, chúa) chỉ còn biết luồn lọt, nịnh bợ. Họ là những nịnh thần. Còn về cách đánh giá, người có quyền uy, cầm cân nảy mực trên phạm vi cả nước là vua chúa, mà "chúa trọng nịnh thần", thì cái thói "hư danh", "hư vinh" mới mặc sức mà ngang nhiên tồn tại, thậm chí còn hống hách, lộng hành,

kéo bè kéo cánh hãm hại lẫn nhau. Cái lô gích diễn ra tất yếu không tránh được là nhà tan, nước mất : "Nước mất, nhà tan đều do những điều tệ hại ấy". Sức hấp dẫn không cưỡng được từ cách lập luận ở chính trong lập luận bởi tính khoa học khách quan của nó.

Ở luận điểm thứ hai: phải khôi phục lại mục đích của nền "chính học", tác giả không nhắc lại mục đích của việc học nữa, vì nó đã được xác định từ đầu. Đây là hiện tượng chìm đi của quan điểm trong lập luận. Vì vậy, nếu người đọc vô tình sẽ có cảm giác như là hẫng hụt, thấy thiếu đi một cái gì lẽ ra phải có. Thay cho việc nhắc lại mục đích chân chính của việc học (vì không cần phải nhắc lại lần thứ hai), tác giả cần đến việc chấn hưng trên cơ sở ấy. Sự việc chấn hưng to lớn và cấp thiết được nhìn từ hai cấp độ : chiều rộng và chiều sâu. Về chiều rộng: cần mở mang thêm nhiều trường lớp, bằng nhiều hình thức, ở khắp mọi nơi, tạo điều kiện thuận lợi tối đa cho người đi học. Quan điểm mà nay gọi là xã hội hoá giáo dục có hai cái lợi (mà tác giả không nói rõ ra): một là nâng cao được dân trí và hai là lựa chọn được nhân tài. Đó là cái nén của "chính học".

Điều quan trọng nhất trong luận điểm thứ hai này là chấn chỉnh, sửa sang phép học (phương pháp học tập). Nguyên tắc đầu tiên trong phép học là nguyên tắc vừa sức, học thích hợp với đối tượng, học từ thấp đến cao. Như thế cũng là theo hệ thống: "Lúc đầu học tiểu học để bồi lấy gốc. Tuân tự tiến lên học đến tứ thư, ngũ kinh, chư sử". Trong quan điểm học theo hệ thống trên đây, tác giả chú ý đến cấp đầu tiên khi người học cấp sách đến trường. Phải chăng là tác giả với tầm nhìn xa rộng đã thấy ý nghĩa lớn lao, gốc rễ từ mảnh đất gieo hạt đầu tiên để từ đó cái cây đức, cây tài tươi tốt về sau ? Nguyên tắc thứ hai của phép học nói một cách gọn gàng, hàm súc "Học rộng rồi tóm lược cho gọn, theo điều học mà làm", thực ra có hai ý nhỏ (mỗi ý nhỏ này có thể phát biểu thành những luận điểm lớn trong những trường hợp khác). Trước hết là học rộng, học nhiều nhưng phải biết chủ động: học cái gì nắm chắc được cái ấy. Muốn nắm chắc được tri thức, không có một cách nào khác hơn là tóm tắt được nó, nghĩa là tinh lọc được nó, chọn lấy cái chính và biến nó thành nhận thức, thành trí tuệ của riêng mình. Ở đây, tóm tắt không có nghĩa chỉ là nít ngắn, mà chính là lựa chọn. Muốn lựa chọn phải có một quan điểm riêng. Ấy là thực học. Nhưng đó mới là một nửa ý nghĩa của thao tác "tóm lược cho gọn". Nửa ý nghĩa thứ hai của quy trình nhận thức, ở sự thu hoạch tri thức cho bản thân còn quan trọng hơn : "học" để mà "hành", "học để làm": đây mới là cái đích cuối cùng của việc học. Học nhiều mà chỉ thuộc lòng sách vở, bị động vào sách vở thì dù học đến đâu cũng chỉ là những "con mọt sách" làm sao có thể ứng dụng vào đời sống, phỏng có ích lợi cho ai ? Nhà thơ Nguyễn Khuyến cũng đã thấm thía rút ra từ sự học một bài học để dạy dỗ con mình: "Bể học tràn lan là đáng ngại" (Ngày xuân dạy con), phải chăng cũng là sự đồng quan niệm với tác giả đoạn văn "Bàn luận về phép học" mà chúng ta đang phân tích ở đây ? Học như phép học mà Nguyễn Thiếp đề ra mới là có ích. Điều khẳng định này ở dạng vừa hi vọng vừa phân vân : "Hoạ may kẻ nhân tài mới lập được công". Chính là xuất phát từ một ước mơ tha thiết và dù tha thiết mà sự nghiệp không chắc đã thành, bởi sự học, phép học tuy nói vậy nhưng cũng khó lắm thay ! Sự chân thành là phía chủ quan, còn kết quả là thuộc phía khách quan ngoài ý muốn, mà ý muốn ấy cũng là vừa mới bắt đầu. Mặc dầu vậy, dù tâm trạng không ít băn khoăn, mà vẫn rất nhiều tin tưởng. Và kết quả mà tác giả đợi chờ là cái hạt gieo xuống sẽ thành cây, sự học sẽ gặt hái một mùa quả ngọt : "Đạo học thành thì người tốt nhiều ; người tốt nhiều thì triều đình ngay ngắn mà thiên hạ thịnh trị". Kết quả này hoàn toàn đối lập với mục đích học và phép học theo lối "cầu danh lợi" ở trên.

Kể sách mà La Sơn Phu Tử hiến cho vua Quang Trung thật là những lời tâm huyết xuất phát từ quyền lợi của quốc gia, trong sự nghiệp an dân trị quốc. Tầm nhìn ấy có chiều rộng, chiều sâu về một chiến lược lâu dài không phải ngày một ngày hai mà làm được. Vua Quang Trung xem tác giả như một người tri âm mới triều kiến vào Phú Xuân bàn quốc sự. Rất tiếc là thời đại mà Quang Trung mở ra chẳng được bao lâu, do đó chương trình chấn hưng hầy còn dang dở. Dù sao, quan điểm của Nguyễn Thiếp cũng vẫn là những viên gạch vững chắc đầu tiên trong nền tảng lí luận của sự nghiệp giáo dục và đào tạo của nước nhà.